

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HSST
Ngày 15- 11- 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thụy- Giáo viên trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thụy Hà;
2. Bà Phạm Hồng Thiêm.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

(1). L1, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2000; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn R1, xã D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: T2; họ tên mẹ: T3; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 190 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 21- 07/2022; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21- 07- 2022; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình, trích xuất, có mặt.

(2). D1, sinh ngày 13 tháng 07 năm 2006; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T4, xã T5, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: T6; họ tên mẹ: D2; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 221 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 26- 08- 2022; Bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; tại ngoại, có mặt.

-Người đại diện của bị cáo D1: Ông T6, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn T4, xã T5, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo D1: Bà H1- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình. Có mặt.

-Bị hại: Ủy ban nhân dân xã T7, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông D3- Chức vụ: Chủ tịch- Vắng mặt. Người đại diện theo ủy

quyền: Ông D4- Chức vụ: Trưởng ban quản lý đền Đức Thánh Nguyễn Công Uy tại thôn N1, xã T7, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

(1). P1, sinh ngày 04- 09- 2006; nơi cư trú: Thôn M1, xã D5, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

Người đại diện: Bà T8; sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn M1, xã D5, huyện T1, tỉnh Thái Bình- Là mẹ P1. Có mặt.

(2). Bà T3, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn R1, xã D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

-Đại diện Đoàn Thanh niên xã T5: Ông T9- Chức vụ: Bí thư Đoàn xã. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với ý định trộm cắp tài sản, T10 rủ bị cáo L1, bị cáo D1 và P1 tìm cơ hội trộm cắp tài sản và được đồng ý. Hồi 00 giờ 40 phút ngày 15- 07- 2022, P1 và D1 đi hai xe máy điện chở L1, T10 đi đến đền thờ Đức Thánh Nguyễn Công Uy ở thôn N1, xã T7 để trộm cắp tài sản. Cả nhóm dừng ở phía sau đền, D1 ở ngoài trông xe và canh giới; còn P1, T10 và bị cáo L1 trèo tường bao phía sau vào trước cửa đền. Sau khi T10 dùng dao nhặt ở sân đền cạy cửa chính thì cả ba đẩy cửa, đi vào trong; mở hòm đựng tiền dầu đèn lấy hết số tiền bên trong, lấy tiền đặt trên ban thờ ở phòng ngoài cho vào túi nilon. Cả ba đi tiếp vào gian chính cung phía trong, P1 mở hòm công đức bằng tủ kính; T10 cạy hòm công đức bằng gỗ; cả ba lấy hết số tiền bên trong hòm công đức và số tiền trên ban thờ cho vào túi nilon rồi đi ra ngoài. Bị cáo D1 ở bên ngoài canh giới, do chờ lâu nên đã bỏ về. Khi bị cáo L1 cùng T10, P1 đi ra, không thấy bị cáo D1 nên P1 điều khiển xe chở T10 và bị cáo L1 đi về. Đến đường quê thuộc thôn T4 cả ba dừng lại chia tiền: T10 được chia 4.600.000đồng; bị cáo L1 được chia: 3.500.000đồng; P1: 1.300.000đồng. Số tiền lẻ 892.000đồng còn lại trong túi nilon được T10 đưa cho bị cáo D1; bị cáo D1 lấy trong túi nilon đó 50.000đồng, số còn lại đem cất giấu. Sau đó, P1 chia thêm cho bị cáo D1: 200.000đồng; T10 chia thêm cho bị cáo D1 và P1 mỗi người 500.000đồng. Như vậy, bị cáo L1 được nhận 3.500.000đồng; T10 nhận 3.600.000đồng; P1 nhận 1.600.000đồng; bị cáo D1 nhận 750.000đồng; số tiền còn lại trong túi nilon là 842.000đồng. T10 sử dụng 2.500.000đồng mua điện thoại Redmi Note 11 tại cửa hàng điện thoại cửa hàng điện thoại Q1 thôn N1, xã T11. Bị cáo L1 sử dụng 3.500.000đồng mua điện thoại Iphone 7 tại cửa hàng điện thoại Q2 tại thôn Đ5, xã T12. D1 đã sử dụng 75.000đồng mua nước uống. Sau khi vụ án bị phát hiện, P1 giao toàn bộ số tiền 1.600.000đồng cho mẹ là bà T8; D1 giao cho ông T6 số tiền 675.000đồng và 842.000đồng đựng trong túi nilon; bà T8 đã giao nộp toàn bộ số tiền 3.117.000đồng (= 1.600.000đồng + 675.000đồng + 842.000đồng) cho Công an xã.

Các chứng cứ chứng minh: Đơn trình báo của Ban quản lý đền; Biên bản trích xuất dữ liệu camera thu giữ tại đền; Biên bản nhận diện hình ảnh đối tượng qua camera; Bản kết luận giám định đối với tệp tin hình ảnh; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; lời khai của các thành viên Ban quản lý đền: Ông D4, ông V1, của người cùng tham gia trộm cắp là T10, P1 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án đang quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31- 10- 2022 là 01 ổ khóa nhãn hiệu “*Việt Tiệp*” bằng kim loại; 01 ổ khóa chữ “*U*” nhãn hiệu “*Việt Tiệp*” bằng kim loại; 01 con dao bằng kim loại màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus.

Tại phiên tòa, bị cáo L1 trình bày: Bị cáo là anh trai T10. Chiều ngày 14- 07- 2022, T10 rủ bị cáo trộm cắp tài sản. Tuy không biết trộm cắp ở đâu nhưng bị cáo đồng ý. Hồi 00 giờ ngày 15- 07- 2022, P1 và bị cáo D1 đi hai xe máy điện chờ bị cáo và T10 đi đến đền thờ Đức Thánh Nguyễn Công Uy ở thôn N1, xã T7 để trộm cắp tài sản. Khi đến phía sau đền thì bị cáo D1 ở ngoài trông xe và canh giới; bị cáo L1, P1 và T10 trèo tường bao phía sau vào trong đền. T10 dùng dao cạy cửa chính của đền; cả ba vào trong đền; lấy hết số tiền tại 02 chiếc hòm đựng tiền dầu đèn; trên mặt ban thờ gian ngoài; tiền trong hòm công đức bằng kính; hòm công đức bằng gỗ; trên mặt ban thờ chính cung. Toàn bộ số tiền lấy được đựng trong túi nilon do T10 lấy từ hòm công đức gian ngoài. Khi bị cáo cùng T10, P1 đi ra, không thấy bị cáo D1 nên P1 điều khiển xe đi về, chờ T10 và bị cáo L1 cầm túi nilon đựng tiền. Đến đường đê thuộc thôn T5 cả ba dừng lại chia tiền: bị cáo được chia 3.500.000đồng. Sau đó, bị cáo dùng số tiền trộm cắp đi mua 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 giá 3.500.000đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo D1 trình bày: Bị cáo và P1, T10 và bị cáo L1 là anh em con dì, con bác với nhau. Khoảng một tuần trước, T10 rủ bị cáo trộm cắp tài sản. Hồi 00 giờ ngày 15- 07- 2022, bị cáo và P1 đi hai xe máy điện chờ bị cáo L1 và T10 đi đến đền thờ Đức Thánh Nguyễn Công Uy ở thôn N, xã T7 để trộm cắp tài sản. Khi đến phía sau đền thì bị cáo ở ngoài trông xe và canh giới; bị cáo L1 cùng P1 và T10 trèo tường bao phía sau vào trong đền. Bị cáo chờ ở ngoài nhưng sau đó bỏ về trước. Bị cáo lấy 50.000đồng trong túi nilon; P1 đưa cho bị cáo 200.000đồng; T10 chia thêm cho bị cáo 500.000đồng; cộng bị cáo được hưởng: 750.000đồng; đã sử dụng 75.000đồng, còn lại 675.000đồng. Sau khi vụ việc bị phát hiện, bị cáo giao nộp toàn bộ số tiền lẻ trong túi và 675.000đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là P1 trình bày: Ngày 13- 07- 2022, D1 rủ P1 đi trộm cắp tài sản ở đền để lấy tiền tiêu dùng cá nhân. P1 đồng ý nên tối ngày 14-07-2022, P1 điều khiển xe máy điện của bố mẹ P1 đi đến nhà D1. Hồi 00 giờ ngày 15- 07- 2022, T10 và L1 đến nhà D1; sau đó P1 và D1 đi hai xe máy điện chờ T10 và L1 đi đến đền thờ Đức Thánh Nguyễn Công Uy ở xã T7 để trộm cắp tài sản. Khi đến phía sau đền thì D1 ở ngoài trông xe; L1, P1 và T10 trèo tường vào trong. T10 dùng dao cạy cửa chính; cả ba đẩy cửa đi vào trong đền. T10 dùng then sắt cạy khóa, mở hòm công đức bằng gỗ; cả ba lấy hết số tiền trong hòm công đức, hòm tiền dầu đèn; trên mặt ba ban thờ gian ngoài; tiền trong hòm công đức bằng kính; hòm công đức bằng gỗ; tiền trên mặt ban thờ

chính cung. Toàn bộ số tiền lấy được đựng trong 3 túi nilon. Khi cả ba ra ngoài thì không thấy D1 nên P1 điều khiển xe chở T10, L1 đi về. Đến đường đê thuộc thôn T5 cả ba dừng lại chia tiền: P1 được chia 1.300.000đồng. Khi về nhà D1 thì P1 đưa xe cho T10, L1 đi về, còn P1 ở nhà D1. P1 đưa cho D1: 200.000đồng; hôm sau T10 đưa cho P1: 500.000đồng. Khi vụ án bị phát hiện, P1 đưa toàn bộ số tiền 1.600.000đồng cho mẹ là bà T8 để giao nộp.

Bà T8 trình bày: Bà nhận số tiền 1.600.000đồng từ P1; nhận 1.517.000đồng từ ông T6. Sau đó, bà đem giao nộp toàn bộ số tiền 3.117.000đồng cho Công an xã. Gia đình bà góp 4.000.000đồng cùng với gia đình bà T3, gia đình ông T6 bồi thường và công đức cho đền. Gia đình không yêu cầu đối với số tiền bồi thường thừa.

Người đại diện của bị hại là Ủy ban nhân dân xã T7 trình bày: Đền thờ Đức Thánh Nguyễn Công Uy ở xã T7 thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã T7; ban quản lý đền trực tiếp quản lý theo sự phân công và có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân xã. Ông D4 là người đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày: Đêm ngày 15- 07- 2022, đền bị mất số tiền công đức khoảng 10.000.000đồng. Sau khi vụ án bị phát hiện, Ban quản lý đền đã nhận lại số tiền 3.117.000đồng; đã nhận số tiền 12.000.000đồng từ các gia đình. Đại diện bị hại không yêu cầu nhận lại con dao và 02 chiếc khóa bị hư hỏng; đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T6 trình bày: Ngày 16- 07- 2022, ông biết việc bị cáo D1 đi trộm nên ông hỏi bị cáo; sau đó ông cầm toàn bộ số tiền lẻ trong túi nilon và số tiền D1 được chia còn lại đến giao cho bà T8 để đi giao nộp. Gia đình ông góp 4.000.000đồng cùng với gia đình bà T3, gia đình bà T8 bồi thường và công đức cho đền. Gia đình không yêu cầu đối với số tiền bồi thường thừa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T8 trình bày: T10 và L1 là con trai bà, đều không có công việc làm, sống phụ thuộc vào thu nhập của bà, T10 đang hưởng trợ cấp xã hội. Sau khi vụ án bị phát hiện, bà đã giao nộp số tiền trộm cắp là 3.117.000đồng. Mặt khác, gia đình bà, gia đình ông T6, gia đình bà T3 mỗi gia đình góp 4.000.000đồng để bồi thường cho đền 10.000.000đồng và công đức 2.000.000đồng. Bà không yêu cầu trả lại tiền thừa, đề nghị trả lại hai chiếc điện thoại thu giữ của T10 và bị cáo L1.

Tại phiên tòa, đại diện cho Ban Chấp hành đoàn xã T9 là ông T10 trình bày: Bị cáo D1 là đoàn viên thuộc chi đoàn thôn T5, xã T9. Đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 102/CT-VKSTT ngày 31- 10- 2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo L1, bị cáo D1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố các bị cáo L1, bị cáo D1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kiểm sát viên đề nghị căn cứ:

-Khoản 1 Điều 173; Điểm i, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: -Xử phạt bị cáo L1 từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 21- 07- 2022.

-Khoản 1 Điều 173; Điểm i, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 36; Điều 100 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo D1 từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm Cải tạo không giam giữ; không khấu trừ thu nhập do bị cáo chưa thành niên.

-Căn cứ: Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận việc các bên đã thỏa thuận bồi thường xong.

-Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 106: Tịch thu tiêu hủy 02 ổ khóa, 01 con dao. Trả lại bị cáo L1: 01 điện thoại di động Iphone 7 plus.

-Căn cứ: Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 11; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo D1 trình bày: Nhất trí về tội danh, đề nghị giảm nhẹ hình phạt; đề nghị xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ; không phạt bổ sung. Nhất trí thỏa thuận về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo trình bày: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo trình bày: Hồi 00 giờ ngày 15- 07- 2022, các bị cáo cùng với T10, P1 thực hiện hành vi trộm cắp tiền tại đền thờ Đức Thánh Nguyễn Công Uy ở thôn N1, xã T7. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Số tiền các bị cáo trộm cắp là 10.302.000đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L1 là người trên 18 tuổi; bị cáo D1: 16 năm 00 tháng 02 ngày tuổi; các bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã trộm cắp số tiền 10.302.000đồng nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.”.

[3]. Về vai trò của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Trong đó:

- Bị cáo L1 là người thực hành tích cực nên giữ vai trò chính; bị cáo D1 giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Cả hai bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo; đã bồi thường xong thiệt hại; đại diện bị hại xin giảm nhẹ. Vì vậy, cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L1, bị cáo D1 đều có ông nội tham gia kháng chiến nên cả hai được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Khi phạm tội, bị cáo D1: 16 năm 02 ngày tuổi nên được áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo tuổi còn trẻ nhưng không chịu tu dưỡng nên đã lợi dụng sơ hở trong trông coi tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản; là nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý về hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo D1 là người dưới 18 tuổi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L1; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D1 cũng có thể giáo dục các bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Giao bị cáo D1 cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Vật chứng của vụ án là số tiền 3.117.000 đồng; trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho Ban quản lý đền.

- Vật chứng là 01 ổ khóa nhãn hiệu “Việt Tiệp” bằng kim loại màu đen; 01 ổ khóa chữ “U” nhãn hiệu “Việt Tiệp” bằng kim loại màu vàng; 01 con dao bằng kim loại màu đen. Đây là các vật có giá trị nhỏ, Ban quản lý đền không yêu cầu nhận lại nên cần áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho ông T6: 01 xe máy điện nhãn hiệu X-men màu xanh đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 3pro; đã trả cho bà T8: 01 xe máy điện nhãn hiệu X-men màu đỏ đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh.

-Vật chứng là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus thu giữ của bị cáo L1. Gia đình bị cáo đã bồi thường xong nên cần trả cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, gia đình bà T3 (mẹ T10, L1), gia đình ông T6 (bố D1) và gia đình bà T8 đã bồi thường 10.000.000đồng, công đức 2.000.000đồng. Bà T8 đã giao nộp số tiền 3.117.000đồng. Gia đình bà T3, bà T8, ông T6 thay mặt cho bị cáo L1, D1 và T10, P1 bồi thường cho bị hại do Ban quản lý đền làm đại diện tổng số tiền 15.117.000đồng gồm: Bồi thường 13.117.000đồng; công đức: 2.000.000đồng. Các gia đình bà T3, bà T8, ông T6 đều không yêu cầu trả lại số tiền bồi thường thừa. Việc thỏa thuận bồi thường này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự, cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[6]. Về các vấn đề khác:

[6.1]. T10 và P1 là những người cùng tham gia trộm cắp với các bị cáo. T10 có dấu hiệu tâm thần nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Tại Quyết định số 07/QĐ-TVAHS ngày 16-10-2022, Cơ quan điều tra đã tách hành vi của T10. Khi thực hiện hành vi, P1: 15 năm 10 tháng 11 ngày tuổi nên Cơ quan điều tra không khởi tố mà đã ra quyết định xử phạt hành chính số 102/QĐ-XPVPHC ngày 01 tháng 10 năm 2022, hình phạt: Cảnh cáo.

[6.2]. Ông T6 không biết bị cáo D1 sử dụng xe máy điện và điện thoại của ông đi trộm cắp tài sản; bà T8 không biết P1 sử dụng xe máy điện và điện thoại của bà đi trộm cắp tài sản. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông T6, bà T8.

[6.3]. Bị cáo L1 sử dụng tiền trộm cắp mua điện thoại Iphone 7 tại cửa hàng điện thoại Q2 tại thôn Đ1, xã T12. T10 sử dụng tiền trộm cắp mua điện thoại Redmi Note11 tại cửa hàng điện thoại Q1 tại thôn N2, xã T11.. Chủ cửa hàng điện thoại Q2 là anh T13; chủ cửa hàng điện thoại Q1 là chị D6 đều trình bày: Cửa hàng luôn có nhiều người ra vào, mua bán trao đổi điện thoại nên không xác định được việc L1 mua điện thoại Iphone 7; không xác định được T10 mua điện thoại Redmi Note11.

[7]. Về án phí: Các bị cáo đã bồi thường xong trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo L1, D1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt:

2.1). Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo L1: 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 07 năm 2022.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L1.

2.2). Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 90, Điều 91; Điều 38; Điều 101; Khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo D1: 04 (Bốn) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 15 tháng 11 năm 2022.

-Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D1.

-Trong thời gian thử thách, giao bị cáo D1 cho Ủy ban nhân dân xã T9, huyện T1, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Các vấn đề trong thi hành án treo:

3.1). -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi cùng huyện nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện nơi cư trú thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3.2). Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình.

Các vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 31 tháng 10 năm 2022 được xử lý như sau:

-Tịch thu tiêu hủy: 01 ổ khóa nhãn hiệu “*Việt Tiệp*” bằng kim loại màu đen; 01 ổ khóa chữ “*U*” nhãn hiệu “*Việt Tiệp*” bằng kim loại màu vàng; 01 con dao bằng kim loại màu đen.

-Trả lại bị cáo L1: 01 điện thoại di động màu đen màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 7 plus.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

-Ghi nhận việc gia đình bà T3, gia đình ông T6, gia đình bà T8 đã bồi thường cho bị hại số tiền: 15.117.000đồng gồm: Tiền bồi thường: 13.117.000đồng; tiền công đức: 2.000.000đồng; cộng 15.117.000đồng (Mười lăm triệu một trăm mười bảy nghìn đồng). (Đã bồi thường xong).

6. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo L1, D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000, đồng án hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người đại diện, người bào chữa cho bị cáo D1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người đại diện bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại; người đại diện;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người đại diện;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
- Cơ sở giam giữ;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng